TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN CẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2017/DSST
Ngày 12-10-2017
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải;
2. Bà Dương Xuân Thanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tươi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2017/TLST- DS ngày 22 tháng 8 năm 2017 về "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2017/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2017/QĐST-DS ngày 27 tháng 9 năm 2017; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L (tên gọi khác Củi), sinh năm: 1969; địa chỉ: ấp L, xã K, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm: 1960; địa chỉ: Khu phố 4, Phường 2, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 05-9-2017); có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu C, sinh năm: 1987; địa chỉ: Tổ 22, ấp L, xã K, huyện B, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21-8-2017 của nguyên đơn - Bà Nguyễn Thị Kim L; Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - Bà Nguyễn Thị K trình bày:

Vào ngày 30-4-2015, chị Nguyễn Thị Thu C có vay của bà Nguyễn Thị Kim L số tiền 40.000.000 đồng, khi vay tiền có viết giấy vay tiền, trong giấy vay không có thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời gian trả nợ. Nhưng có thỏa thuận

miệng lãi suất là 2%/ tháng, hẹn 03 tháng trả, nhưng đến nay chị C chưa trả tiền cho bà L.

Vào ngày 16-6-2016, chị Nguyễn Thị Thu C tiếp tục vay của bà Nguyễn Thị Kim L số tiền 140.000.000 đồng, khi vay tiền có viết giấy vay tiền, trong giấy vay không có thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời gian trả nợ. Nhưng khi mượn tiền 140.000.000 đồng thì chị C có nói để chị C xoay sở làm ăn rồi sẽ trả luôn số tiền 40.000.000 đồng trước cho bà Nguyễn Thị Kim L.

Đến ngày 22-6-2016, chị C có trả lãi cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền lãi là 3.500.000 đồng, nhưng không nói là trả tiền lãi cho số tiền nào. Kể từ đó cho đến nay thì chị C chưa trả cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền nợ gốc tổng cộng: 180.000.000 (một trăm tám mươi triệu) đồng.

Tại phiên hòa giải ngày 11-9-2017 và tại phiên tòa hôm nay, bà Liên xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện và thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện như sau:

Bà Nguyễn Thị Kim L yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu C trả lại cho số tiền vay vào ngày 30-4-2015 là: 40.000.000 đồng và số tiền vay vào ngày 16-6-2016 là 40.000.000 đồng. Tổng cộng là 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng và không yêu cầu tính lãi chậm trả.

Ngoài ra bà Nguyễn Thị Kim L và bà Nguyễn Thị K không còn trình bày gì khác.

Bị đơn – Chị Nguyễn Thị Thu C trình bày:

Chị C thừa nhận có vay tiền của bà Nguyễn Thị Kim L vào ngày 30-4-2015, số tiền 40.000.000 đồng, chị C có viết giấy vay tiền, trong giấy tay không có thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời gian trả nợ. Nhưng có thỏa thuận bằng lời nói lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, thời hạn vay khoảng 10 ngày. Mục đích vay để đáo hạn ngân hàng của người dân vay tiền. Sau khi vay tiền của Ngân hàng, thì chị C đã trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim L xong. Việc trả nợ này chị C không có thu lại giấy nợ gốc và không có người làm chứng, chứng cứ để chứng minh. Chị C thừa nhận chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền ngày 30-4-2015 là của chị C và không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết. Do số tiền vay đã trả xong, nên chị C không chấp nhận trả số tiền vay ngày 30-4-2015 là 40.000.000 đồng.

Vào ngày 16-6-2016, chị C có vay của bà Nguyễn Thị Kim L số tiền 40.000.000 đồng, khi vay tiền có làm giấy tay mượn tiền, trong giấy tay không có thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời gian trả nợ. Nhưng có thỏa thuận bằng lời nói lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, thời hạn vay khoảng 10 ngày. Mục đích vay để đáo hạn ngân hàng của người dân vay tiền. Sau khi vay tiền của Ngân hàng thì chị C đã trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim L xong. Việc trả nợ này chị C không có thu lại giấy nợ gốc và không có người làm chứng, chứng cứ để chứng minh chị C đã trả tiền. Chị C thừa nhận chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền ngày 16-6-2016 là của chị C và không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết. Tuy nhiên, theo giấy vay tiền ngày 16-6, chị C xác định chữ ký, chữ viết trong chứng cứ của nguyên đơn cung cấp có nội dung: *"Biên nhận, hôm nay ngày 16-6 có nhận của chị 2 Củi 140.000.000đ (một (Bốn chục triệu đồng), ký và ghi họ tên Nguyễn*

Thị Thu C" là chữ ký, chữ viết của chị C. Nhưng trong giấy tay này có sự giả dối vì chị C chỉ vay số tiền: 40.000.000 đồng, nhưng có ai đó đã ghi thêm số *"1"* trước chữ số "*40.000.000 đồng*" và ghi thêm: chữ "*một*" trước dấu ngoặt "(" của chữ *"Bốn mươi triệu đồng"*. Nên chị C yêu cầu nguyên đơn làm rõ việc ai ghi thêm vào giấy tay mượn tiền ngày 16-6. Chị C xác nhận số tiền vay đã trả xong, nên chị C không chấp nhận trả số tiền vay ngày 16-6-2016 là 40.000.000 đồng.

Vì vậy, chị C không chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra chị C không còn trình bày gì khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Áp dụng Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự (năm 2005).

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản đối với chị Nguyễn Thị Thu C. Buộc chị C có nghĩa vụ trả cho bà Liên số tiền vay: 80.000.000 đồng, ghi nhận: Bà L không có yêu cầu chị C trả tiền lãi suất chậm trả.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo pháp luật quy định.

- Về yêu cầu khắc phục vi phạm: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có yêu cầu thay đổi, bổ sung và rút một phần yêu cầu khởi kiện. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu thay đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

- Vào ngày 30-4-2015, chị Nguyễn Thị Thu C có vay của bà Nguyễn Thị Kim L số tiền 40.000.000 đồng, có viết giấy vay tiền, không có thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời gian trả nợ.

- Vào ngày 16-6-2016, chị Nguyễn Thị Thu C tiếp tục vay của bà Nguyễn Thị Kim L số tiền 140.000.000 đồng, có viết giấy vay tiền, không có thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời gian trả nợ.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay và thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bà Nguyễn Thị Kim L xác định chị C còn nợ số tiền 180.000.000 đồng và nợ tiền lãi

2%/tháng. Trong đó, chị C đã trả tiền lãi là 3.500.000 đồng, số tiền nợ còn lại 180.000.000 đồng đến nay chưa trả.

Vì vậy, bà L yêu cầu giải quyết buộc chị C trả lại số tiền nợ gốc: 180.000.000 đồng và không yêu cầu tính tiền lãi chậm trả. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bà L thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện, buộc chị C trả lại số tiền nợ gốc: 80.000.000 đồng và không yêu cầu tính tiền lãi chậm trả. Chị C thừa nhận có nợ bà Nguyễn Thị Kim L số tiền nợ gốc: 80.000.000 đồng nhưng đã trả xong, nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, do đó hai bên phát sinh tranh chấp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và thay đổi yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng: Hợp đồng vay tài sản vào ngày 30-4-2015 và ngày 16-6-2016 giữa bà Nguyễn Thị Kim L và chị Nguyễn Thị Thu C là có thật. Nội dung của hợp đồng đã thể hiện chị C vay của bà L vào ngày 30-4-2015 số tiền 40.000.000 đồng, vay ngày 16-6-2016 là 40.000.000 đồng, hợp đồng vay không kỳ hạn, không lãi suất, không có thế chấp tài sản. Chị C thừa nhận chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền ngày 30-4-2015 và ngày 16-6-2016 là của chị C và không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết. Tuy nhiên, trong hợp đồng vay ngày 16-6-2016 là 140.000.000 đồng nhưng có dấu sửa và thêm số tiền từ 40.000.000 đồng thành 140.000.000 đồng. Việc sửa chữ, thêm số, từ số tiền 40.000.000 đồng thành số tiền 140.000.000 đồng, thì các bên đương sự thống nhất không yêu cầu giám định. Do bà L rút lại yêu cầu khởi kiện và chỉ xác định số tiền chị C nợ ngày 16-6-2016 là 40.000.000 đồng, chị C cũng thừa nhận nợ bà L 40.000.000 đồng, nên ghi nhận.

[4] Xét yêu cầu đề nghị giám định chữ ký, chữ viết của bị đơn - chị Nguyễn Thị Thu C thấy rằng: Sau khi chị C đã nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử, ngày 26-9-2017, chị C có gởi đơn đề nghị giám định chữ ký, chữ viết của chị trong giấy vay tiền ngày 30-4-2015 và ngày 16-6-2016 để làm rõ trong giấy vay tiền có sửa và thêm số *"1"* trước 40.000.000 đồng và ghi thêm chữ *"một"* trước dấu *"("* chữ "*bốn chục triệu"* đồng. Việc yêu cầu này của chị C không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do chị C đã thừa nhận chữ ký, chữ viết trong hai giấy vay tiền ngày 30-4-2015 và ngày 16-6-2016 số tiền vay mỗi lần là 40.000.000 đồng, tổng cộng 80.000.000 đồng là của chị C. Do đó, yêu cầu đề nghị giám định chữ ký, chữ viết của chị C không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với đơn tố giác tội phạm ngày 20-9-2017, do chị C gởi kèm theo, không có chữ ký của chị C, thì không thuộc thẩm quyền giải quyết của Hội đồng xét xử, nên không xử lý.

Trong các biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị C đã xác nhận có vay của bà L vào ngày 30-4-2015 là 40.000.000 đồng; ngày 16-6-2016 vay 40.000.000 đồng; tổng cộng là 80.000.000 đồng. Chị C cho rằng đã trả nợ cho bà L xong, nhưng chị C không hủy bỏ hoặc thu hồi lại biên nhận tiền mà chị C ký nhận giao cho bà L cất giữ. Đây là lỗi của chị C, nên chị C phải chịu trách nhiệm trả nợ cho bà L số tiền vay vào ngày 30-4-2015 là 40.000.000 đồng và ngày 16-6-2016 là 40.000.000 đồng.

[5] Về lãi suất chậm trả: Bà L xác định chị C đã trả tiền lãi khoảng 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng, nay bà L không yêu cầu tính tiền lãi chậm trả, nên ghi nhận.

Do chị C đã thừa nhận nợ mà không chứng minh được việc trả nợ; bà L đã cung cấp được chứng cứ chị C còn nợ số tiền: 80.000.000 đồng và không yêu cầu tính tiền lãi chậm trả. Do đó, căn cứ Điều 471 và 474 của Bộ luật dân sự năm 2005, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L do bà Nguyễn Thị K đại diện theo ủy quyền. Buộc chị Nguyễn Thị Thu C có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền vay nợ gốc là: 80.000.000 đồng và không yêu cầu tính tiền lãi chậm trả là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo pháp luật qui định. Bà Nguyễn Thị Kim L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà L đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 244; Khoản 1 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự (năm 2015); Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 471; Điều 474 và Điều 477 của Bộ Luật Dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L, do bà Nguyễn Thị K đại diện theo ủy quyền về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản đối với chị Nguyễn Thị Thu C.

Buộc chị Nguyễn Thị Thu C có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền vay nợ gốc là: 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng.

Ghi nhận: Bà Nguyễn Thị Kim L không yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu C trả tiền lãi.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Kim L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Thị Thu C không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng chị Nguyễn Thị Thu C còn phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Thu C phải chịu 4.000.000 (bốn triệu) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Kim L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị Kim L đã nộp 4.500.000 (bốn triệu năm trăm ngàn) đồng theo biên lai số 0020963 ngày 22 tháng 8 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H. Bến Cầu;
- THADS H. Bến Cầu;
- Lưu: Tập án;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

NGUYỄN VĂN ĐOÀN

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Nguyễn Văn Đoàn

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

NGUYỄN VĂN ĐOÀN

Nguyễn Văn Đoàn